

KIẾN TẠO DIỄN NGÔN VỀ LỊCH SỬ PHẬT GIÁO TRÚC LÂM: TRƯỜNG HỢP HOẠT ĐỘNG KHẮC IN VĂN BẢN TÁC PHẨM THÁNH ĐĂNG LỤC

Lê Đình Sơn *

Ngày nhận bài: 01 tháng 7 năm 2025

Ngày nhận bài sửa: 09 tháng 9 năm 2025; Ngày duyệt đăng: 15 tháng 9 năm 2025

TÓM TẮT

Thánh đăng lục (聖燈錄) là một văn bản tác phẩm đặc biệt trong lịch sử Phật giáo Việt Nam được biên soạn theo hình thức “lục” (錄) kết hợp “tổ phả” (祖譜) nhằm xác lập một trật tự truyền thừa đặc thù trong Phật giáo Trúc Lâm. Thông qua việc ghi chép hành trạng, pháp ngữ và vấn đáp thiền cơ của năm vị vua đầu nhà Trần, văn bản tác phẩm này thể hiện một chiến lược diễn ngôn nhằm thiết lập tính chính thống và màu sắc bản địa của dòng Thiền nước Việt. Bên cạnh đó, việc văn bản tác phẩm được khắc in lại nhiều lần, với những thay đổi trong tên gọi và cấu trúc văn bản cũng là minh chứng cho việc kiến tạo diễn ngôn về lịch sử của dòng phái Phật giáo này. Trên cơ sở đó, bài viết này phân tích toàn diện cấu trúc và thể loại văn bản, lịch sử lưu truyền và các biểu hiện chiến lược ngôn ngữ trong tên gọi của *Thánh đăng lục*, nhằm làm rõ vai trò của văn bản trong việc kiến tạo bản sắc tông môn và khẳng định vị trí của Phật giáo Trúc Lâm trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Từ khóa: *Thánh đăng lục*; Phật giáo Trúc Lâm; tổ phả; diễn ngôn tông môn.

A DISCURSIVE CONSTRUCTION OF TRÚC LÂM BUDDHIST HISTORY: THE CASE OF THE ENGRAVED AND PRINTED TEXT OF THÁNH ĐĂNG LỤC

Le Dinh Son *

Received: July 1, 2025

Revised: September 9, 2025; Accepted: September 15, 2025

ABSTRACT

Thánh đăng lục (聖燈錄) is a distinctive textual work in the history of Vietnamese Buddhism, compiled in the form of a lục (錄, “record”) combined with a tổ phả (祖譜, “genealogical register of patriarchs”), with the aim of establishing a particular order of transmission within the Trúc Lâm Buddhist tradition. By documenting the biographies, dharma discourses, and Chan dialogues of the first five kings of the Trần dynasty, this work articulates a discursive strategy to affirm both the orthodoxy and the indigenous character of the Vietnamese Zen lineage. Moreover, the repeated woodblock printings of the text, along with the alterations in its title and structure over time, serve as evidence of the ongoing discursive construction of the history of this Buddhist school. On this basis, the present article undertakes a comprehensive analysis of the textual structure and genre, the history of transmission, and the discursive strategies embedded in the titles of *Thánh đăng lục*, with the aim of clarifying the role of this text in shaping sectarian identity and affirming the place of Trúc Lâm Buddhism within the broader history of Vietnamese Buddhism.

Keywords: *Thánh đăng lục*; Trúc Lâm Buddhism; genealogy; sectarian discourse.

* Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: ledinhsonnv@gmail.com

1. DẪN NHẬP

Trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Trúc Lâm là một hiện tượng đặc biệt, không chỉ vì tính bản địa hóa sâu sắc mà còn vì sự gắn kết độc đáo giữa đạo và đời, giữa quyền lực nhà nước và tín ngưỡng tôn giáo. Trong số các văn bản về Phật giáo Trúc Lâm, *Thánh đăng lục* nổi lên như một tác phẩm có vị trí đặc biệt, ghi chép hành trạng và pháp ngữ của năm vị vua nhà Trần với tư cách là các tổ sư và cư sĩ Thiền, đồng thời phản ánh một cách sinh động lịch sử tiếp nối của dòng Thiền bản địa này qua nhiều thế kỷ.

Thánh đăng lục không chỉ có giá trị về mặt văn hiến và văn học Phật giáo mà còn là một minh chứng cho lịch sử và tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm được thiết lập, bảo lưu và phục hưng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tuy vậy, những nghiên cứu gần đây lấy *Thánh đăng lục* làm tư liệu thường có xu hướng tập trung vào mô tả và giới thiệu văn bản, tiêu biểu như nghiên cứu của Thích Đồng Dưỡng (2010), Lê Mạnh Thát (2010), Nguyễn Phạm Hùng (2015), Nguyễn Lang (2022), v.v. Trong khi đó, những nghiên cứu về lịch sử và tư tưởng Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là Phật giáo Trúc Lâm thời Trần thì vẫn là một mảnh đất ít người khai phá. Xuất phát từ thực tế đó, bài viết này tiến hành phân tích *Thánh đăng lục* như một bản lục đặc biệt mang yếu tố tổ phả, từ đó tìm hiểu về lịch sử của Phật giáo Trúc Lâm, đặt trong bối cảnh chấn hưng Phật giáo từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát văn bản tác phẩm *Thánh đăng lục*

Thánh đăng lục là một trong những văn bản tác phẩm Phật giáo quan trọng, có vị trí đặc biệt của Thiền phái Trúc Lâm. Văn bản tác phẩm này không chỉ mang giá trị lịch sử, tư tưởng, mà còn là một minh chứng sống động cho sự phát triển của văn học Phật giáo

Việt Nam qua nhiều thế kỷ. Tuy nhiên, do hạn chế về mặt tư liệu và tình trạng thất truyền của một số bản khắc in của văn bản, đến nay *Thánh đăng lục* vẫn còn tồn tại nhiều điểm chưa thể khẳng định, chẳng hạn như tác giả¹ và thời điểm biên soạn² cụ thể.

Qua khảo sát thực tế văn bản, hiện tại người viết xác định *Thánh đăng lục* từng được khắc in ít nhất bảy lần, cụ thể như sau: lần thứ nhất vào thời Trần (chưa rõ tên gọi); lần thứ hai vào khoảng năm 1550 (chưa rõ tên gọi); lần thứ ba vào năm 1705 (chưa rõ tên gọi); lần thứ tư vào năm 1750 với tên gọi *Thánh đăng ngữ lục* (聖燈語錄) và *Việt quốc Yên Tử sơn Trúc Lâm chư Tổ Thánh đăng ngữ lục* (越國安子山竹林諸祖聖燈語錄); lần thứ năm vào năm 1848 với tên gọi *Thánh đăng lục* (聖燈錄) và *Thánh đăng kinh* (聖燈經); lần thứ sáu vào năm 1898 với tên gọi *Thánh đăng lục* (聖燈錄) và *Thánh đăng kinh* (聖燈經); lần thứ bảy vào năm 1926 với tên gọi *Thánh đăng ngữ lục* (聖燈語錄) và *Chư quốc lịch đại Thánh Tổ ngữ lục* (諸國歷代聖祖語錄). Sự đa dạng trong tên gọi cho thấy tính linh hoạt của truyền thống văn bản Thiền tông Việt Nam, cùng một văn bản nhưng tùy thời kỳ và mục đích mà được gọi tên khác nhau.

Trong số các phiên bản được khắc in liệt kê ở trên, hiện chỉ có thể tiếp cận được các bản năm 1750, 1848, 1898, 1926; các bản thời Trần, 1550, 1705 hiện đều được xác định đã thất truyền. Qua khảo sát nội dung các văn bản hiện tồn và có thể tiếp cận, người viết nhận thấy mặc dù cấu trúc toàn văn bản qua mỗi lần khắc in có sự xuất nhập nhất định, song nội dung về năm vị vua cơ bản thống nhất và giữ nguyên qua mỗi lần khắc in. Qua đó, người viết cũng xác định những nội dung ghi chép về năm vị vua đầu nhà Trần là nội dung chính của *Thánh đăng lục*.

Về nội dung, *Thánh đăng lục* là văn bản ghi chép hành trạng và tư tưởng của năm vị vua đầu triều Trần, những người vừa là quân vương vừa là cư sĩ – thiền sư trong dòng

¹ Thích Đồng Dưỡng (2010: 13) cho biết “không có một dòng nào nói về tác giả và năm soạn”; Lê Mạnh Thát (2010: 290) đưa ra giả thuyết rằng người viết *Thánh đăng lục* có thể là nhà sư Kim Sơn.

² Nguyễn Lang (2022: 52) cho rằng thời gian biên soạn *Thánh đăng lục* “sớm lắm là sau khi [Trần] Minh Tông mất”, tức sau năm 1358.

Thiền Trúc Lâm. Cấu trúc ghi chép về từng vị vua được trình bày theo trình tự: miêu hiệu – đắc pháp – thân thế – sự nghiệp – quá trình tu học – sở ngộ – vấn đáp – viên tịch – trước tác. Nội dung ghi chép về từng nhân vật đều được lồng ghép các nội dung liên quan đến giáo pháp Thiền tông, phản ánh nhận thức và lĩnh hội yếu chỉ Thiền theo căn cơ của từng vị vua.

Với hình thức ghi chép như trình bày ở trên, có thể thấy văn bản không đơn thuần là một tác phẩm thuộc loại hình tiểu truyện thiền sư, cũng không phải là một tác phẩm thuộc loại hình truyền đăng, mỗi tên gọi lại hàm chứa những cách hiểu và phân loại khác nhau. Các bản in năm 1750 và 1926 đều sử dụng cụm từ “ngũ lục”, một hình thức ghi chép đặc trưng trong truyền thống văn học Thiền tông Đông Á. Trong khi đó, các bản in năm 1848 và 1898 lại có sự bất nhất trong tên gọi tại mục lục và nội dung: mục lục ghi là *Thánh đăng kinh* trong khi nội dung lại ghi là *Thánh đăng lục*. Điều này phản ánh sự thiếu nhất quán trong quá trình lưu truyền văn bản, đồng thời cũng cho thấy mức độ phức tạp trong việc xác định thể tài chuẩn xác của văn bản. Tuy nhiên, từ cấu trúc nội dung đến hình thức trình bày, có thể nhận định *Thánh đăng lục* là văn bản mang đặc trưng của “lục” (ghi chép). Qua khảo sát các bản khắc in hiện tồn, có thể thấy tên gọi *Thánh đăng lục* được sử dụng một cách phổ biến và ổn định. Đồng thời, những dấu vết văn bản cũng cho thấy đây là tên gọi xuất hiện sớm và được duy trì nhất quán qua các lần khắc in, đặc biệt là các bản in vào thời Lê và thời Nguyễn, cũng như bản 1848 trong khi bản này mang dấu vết của bản thời Mạc (1550). Đây cũng đồng thời là tên gọi được các học giả đương đại như Thích Thanh Từ, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Lang v.v. sử dụng.

Tóm lại, *Thánh đăng lục* là một văn bản tác phẩm Phật giáo đặc biệt, được hình thành và lưu truyền qua nhiều thế kỷ. Việc khắc in lặp lại qua nhiều giai đoạn, cũng như sự ổn định tương đối về nội dung cho thấy đây là một tác phẩm có vai trò quan trọng trong

hệ thống văn học Phật giáo Việt Nam. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chọn sử dụng tên gọi *Thánh đăng lục* như một cách thể hiện sự nhất quán trong tiếp cận học thuật của bài viết, đồng thời khẳng định sự kế thừa có ý thức đối với các công trình nghiên cứu trước đó.

2.2. *Thánh đăng lục* như một văn bản mang tính “phả” của Phật giáo Trúc Lâm

Trong truyền thống Phật giáo Đại thừa mà đặc biệt là Thiền tông, việc biên soạn các sách mang yếu tố “phả” (đăng lục//truyền đăng) là một phương thức quan trọng nhằm kiến lập tính chính thống, bảo lưu dòng truyền thừa và xác lập quyền uy tông môn. Từ các tổ phả nổi tiếng như *Ngũ đăng hội nguyên* (五燈會元) ở Trung Quốc cho đến *Thiền uyển tập anh* (禪苑集英) ở Việt Nam, cấu trúc tổ phả thường tuân thủ tuyến tính: bắt đầu từ Phật Thích Ca, lần lượt đi qua các vị Tổ Tây Thiên (Ấn Độ), Đông Độ (Trung Hoa), rồi đến các vị thiền sư địa phương. Tuy nhiên, *Thánh đăng lục* lại là một ngoại lệ độc đáo khi lựa chọn ghi chép hành trạng và pháp ngữ của năm vị vua triều Trần như những vị cư sĩ và Tổ Sư Thiền kế thừa Phật pháp. Cách trình bày này không chỉ là một thao tác văn bản học mà còn là một sự kiến tạo dòng mạch đặc sắc trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

2.2.1. Một sáng tạo đặc sắc trong một văn bản mang tính “phả”

Nếu theo *Phật Quang đại từ điển*, “đăng lục” là “các tác phẩm ghi chép cơ duyên truyền pháp của những bậc Tổ sư trong Thiền tông qua các đời. ‘Đăng’ hoặc ‘truyền đăng’ nghĩa là truyền pháp cho người, như ngọn đèn này truyền sang ngọn đèn khác, nối tiếp nhau không dứt” (Thích Quảng Độ 2000: 1680). Hình ảnh “truyền đăng” ở đây không đơn thuần là ngôn ngữ mang tính định danh, mà còn là biểu tượng sâu sắc của sự kế thừa trí tuệ giác ngộ từ Đức Phật đến các thế hệ Tổ Sư. Tuy nhiên, giữa năm vị vua nhà Trần được ghi chép trong *Thánh đăng lục*, việc truyền pháp yếu lại không diễn ra trực tiếp như vẫn thấy trong các tác phẩm thuộc thể tài truyền đăng, mà lại được thực hiện gián tiếp qua những nhân vật có mối liên hệ

mật thiết về mặt sơn môn pháp phái. Phương diện này cho thấy *Thánh đăng lục* chú trọng đến phương diện truyền thừa pháp yếu trong sơn môn, đây cũng là hướng đi giúp liên kết năm vị vua lại với nhau trên phương diện truyền thừa Phật pháp.

Bên cạnh đó, *Thiền tông tân biên từ điển* cũng nhấn mạnh rằng tên gọi đầy đủ của thể tài “đăng lục” là “truyền đăng lục”, vốn là sách ghi lại lịch sử truyền thừa tâm pháp giữa các thế hệ Thiền sư. Bên cạnh mục đích lưu truyền pháp mạch, “đăng lục” còn đóng vai trò xác lập quyền uy chính thống của một dòng pháp cụ thể. Dựa theo hệ thống phân loại thể tài của từ điển này, *Thánh đăng lục* đồng thời có đặc trưng của ba loại hình chính: (1) Loại hình thiên về nhân vật: Ghi chép tiểu sử, hành trạng và pháp ngữ của các cá nhân, mà trong trường hợp này là năm vị vua đầu triều Trần – Trần Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông và Minh Tông – đều được xem như những hành giả và Tổ sư của Thiền phái Trúc Lâm. (2) Loại hình thiên về gia phả: Văn bản thể hiện các mối liên hệ truyền thừa giữa các đời vua, kiến tạo một mạch kế tục tâm pháp liên tục, tuy không theo mô hình Tăng đoàn thông thường mà từ các cư sĩ – quân vương. Đây chính là đặc điểm độc đáo của *Thánh đăng lục*, cho thấy một mô hình “tổ phả hóa” mang tính xã hội và chính trị. (3) Loại hình thiên về hệ phái: Toàn bộ nội dung tập trung vào các hành giả thuộc sơn môn Trúc Lâm – Yên Tử, chứng tỏ đây là một văn bản có tính đại diện cao cho dòng Thiền bản địa đã định hình (Hân Mẫn – Thông Thiền 2019: 337-338).

Sự kết hợp độc đáo này không mang tính ngẫu nhiên mà là kết quả của một chiến lược tư tưởng rõ ràng. Việc đưa các vị quân vương (vốn là trung tâm của quyền lực thế tục) vào vai trò người thừa kế chính pháp Thiền tông là một bước đi đầy chủ đích. Do đó, tác phẩm này không đơn thuần phản ánh hành trạng của cá nhân hay dòng phái, mà hướng đến việc định hình bản sắc cho cả một truyền thống Thiền học gắn với quốc gia – dân tộc. Lê Mạnh Thát cho rằng *Thánh đăng*

lục là “tác phẩm về các ông vua thiền sư, chứ không phải của các thiền sư thông thường” (Lê Mạnh Thát 2018: 755) là hoàn toàn xác đáng. Qua đó có thể thấy, tên gọi *Thánh đăng lục* không chỉ phản ánh hình thức thể tài văn bản, mà còn là tên gọi thể hiện cấu trúc biểu tượng có tính tư tưởng: các vị vua Trần như những “ngọn đèn thánh”, nối tiếp ánh sáng trí tuệ giác ngộ qua các thế hệ, trong lòng một quốc gia mà Phật pháp là nền tảng đạo đức và chính trị.

Tuy nhiên, xét từ phương diện loại hình thể tài, *Thánh đăng lục* cũng có thể được xem là một hình thức tổ phả đặc thù, vừa kết hợp mô thức của truyền đăng với mô thức của tiểu truyện Thiền sư kế thừa từ Thiền tông Trung Hoa, vừa biến đổi và sáng tạo để phù hợp với bối cảnh lịch sử – chính trị – văn hóa của Đại Việt thời Trần. Nếu các tác phẩm “đăng lục” truyền thống tập trung vào truyền thừa của giới Tăng sĩ, thì *Thánh đăng lục* đã mở rộng biên độ, xác lập một hệ thống tổ truyền với trung tâm là các vị vua – cư sĩ, những người đứng đầu đất nước và cũng là những người đã thân hành tu tập, góp phần khai sáng và phát triển một dòng Thiền bản địa. Mặc dù năm vị vua được ghi chép trong *Thánh đăng lục* không trực tiếp trao truyền tâm pháp cho nhau, nhưng giữa các nhân vật trao truyền tâm pháp cho năm vị vua lại có mối liên hệ mật thiết trong cùng một hệ thống truyền thừa. Đây chính là sợi dây liên kết năm vị vua đầu thời Trần trên phương diện truyền thừa pháp phái, cũng là điểm thú vị và khác biệt trong ghi chép của *Thánh đăng lục* so với những văn bản Phật giáo mang tính “đăng lục” khác.

Tóm lại, yếu tố tổ phả trong *Thánh đăng lục* không chỉ là hình thức ghi chép, mà là một diễn ngôn chiến lược nhằm thiết lập bản sắc tông phái mang tính dân tộc, chính trị và tâm linh sâu sắc. Văn bản này, vì thế, không chỉ là một sử liệu Phật giáo quan trọng, mà còn là một biểu tượng văn hóa – chính trị lớn, phản ánh mối liên hệ khăng khít giữa đạo và đời trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thời Trần và các giai đoạn phục hưng sau đó.

2.2.2. Xác lập tính chính thống của dòng Thiền Trúc Lâm bản địa

Sự sáng tạo trong cấu trúc “phả” của *Thánh đăng lục*, cụ thể là việc lựa chọn các vị vua nhà Trần thay vì các nhà sư không phải là biểu hiện của sự ngẫu hứng trong tạo lập văn bản hay sự lỏng lẻo tư tưởng, mà là một chiến lược nhằm xác lập căn tính và tính chính thống cho dòng Thiền Trúc Lâm trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Căn cứ văn bản học quan trọng cho nhận định này là bản *Thánh đăng lục* in từ bộ ván khắc năm 1750 vào niên hiệu Cảnh Hưng (hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.2569), trong đó tiêu đề được ghi đầy đủ là: *Việt quốc Yên Tử sơn Trúc Lâm chư Tổ – Thánh đăng ngữ lục* (越國安子山竹林諸祖聖燈語錄³). Tiêu đề này chứa đựng nhiều từ ngữ mang tính tư tưởng và biểu tượng cao độ. Ở đây, bài viết phân tích ba thành tố chính:

Thứ nhất, việc sử dụng cụm từ “chư Tổ” để gọi các vị vua Trần thay vì dùng các danh xưng chính trị như “quốc chủ” hay “hoàng đế” cho thấy một sự chuyển hóa chức năng, biểu tượng từ nguyên mẫu chính trị sang hình tượng tôn giáo. Đây là hành vi kiến tạo diễn ngôn, qua đó các vị quân vương được tái định vị trong không gian linh thiêng với tư cách là những người truyền thừa tâm pháp, thay vì chỉ là những đàn việt đóng vai trò ngoại hộ cho đạo. Việc gọi vua là Tổ đánh dấu một bước chuyển từ vai trò bảo trợ tôn giáo hành giả thực hành và giác ngộ tôn giáo, một khẳng định mạnh mẽ về tính nội tại hóa Phật pháp trong cơ cấu chính trị – văn hóa Đại Việt.

Thứ hai, cụm từ “Yên Tử sơn” được đưa vào tiêu đề sách như một định vị không gian thiêng liêng, không chỉ gợi nhắc đến trung tâm địa lý là một trong những thánh địa của Phật giáo Trúc Lâm mà còn biểu thị nơi khởi nguồn và hội tụ của dòng truyền pháp. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, Yên Tử không đơn thuần là một danh lam, mà là nơi kiến

lập tổ đình của Thiền phái Trúc Lâm, nơi Trần Nhân Tông xuất gia và trở thành Điều Ngự Giác Hoàng. Việc đặt địa danh Yên Tử vào tên gọi văn bản là hành vi định vị lại bản đồ tâm linh, nhấn mạnh vai trò của không gian bản địa như trung tâm phát nguyên Phật pháp, thay vì phụ thuộc vào các địa danh Thiền học Trung Hoa như “Thiếu Lâm” hay “Tào Khê”.

Thứ ba, sự kết hợp hai yếu tố “Việt quốc” và “Thánh đăng” trong tiêu đề tạo nên một tầng nghĩa mang tính biểu tượng sâu sắc. “Việt quốc” xác lập tính bản địa, dân tộc cho toàn bộ dòng truyền thừa; trong khi “Thánh đăng” tức “ngọn đèn Thánh” vừa là biểu tượng Thiền tông, vừa là phép ẩn dụ cho sự tiếp nối liên tục của trí tuệ giác ngộ. Việc ghép hai yếu tố này là một cách biểu đạt việc bản địa hóa Phật pháp: ánh sáng của Phật pháp không chỉ đến từ Ấn Độ hay Trung Hoa, mà còn được thắp sáng từ chính nơi đất Việt, qua hành trạng các vị vua Trần, những người vừa là đế vương vừa là Tổ Sư, và cũng vừa là cư sĩ tại gia. Không phải ngẫu nhiên khi tại lời tựa cho bản khắc in lại năm 1926, Trần Kim Liên lại phân *Thánh đăng lục* ra làm hai quyển Thượng – Hạ. Quyển Thượng tuần tự trình bày về 7 vị Phật Thế Tôn, 28 Tổ ở Tây Thiên (Ấn Độ), 6 Tổ ở Đông Độ (Trung Quốc); quyển Hạ trình bày về 5 vị vua nhà Trần (Việt Nam). Qua đây có thể thấy, dụng ý của Trần Kim Liên là coi dòng mạch Phật pháp được truyền từ 7 Phật Thế Tôn đến 28 Tổ ở Tây Thiên, xuống đến 6 Tổ ở Đông Độ và truyền qua 5 vua nhà Trần, đồng thời gọi dòng mạch này là Thống kỷ. Sự trình bày này cho thấy dụng ý coi năm vị vua nhà Trần là những người kế thừa dòng mạch chính thống của Thiền tông xuất phát từ đức Phật truyền xuống.

Từ ba tầng phân tích trên, có thể thấy *Thánh đăng lục* không đơn thuần là một văn bản tác phẩm thuộc thể tài “lục” hay một bộ “phả” ghi chép về các vị Tổ Sư và cư sĩ Thiền mà còn là một văn bản có giá trị khẳng định

³ Tiêu đề này có thể được hiểu là: Thánh đăng ngữ lục của các vị Tổ phái Trúc Lâm núi Yên Tử nước Việt.

vị trí của sơn môn. Văn bản này xác lập một cách có chủ đích tính chính thống và quyền uy cho Phật giáo Trúc Lâm, không phải như một dòng phái phụ thuộc mà là một dòng Thiền ra đời tại bản địa, mang tính tự chủ, được hình thành từ trí tuệ nội sinh của đất nước Đại Việt. Sự kết hợp giữa danh xưng tôn giáo, không gian bản địa và biểu tượng kế thừa tạo nên một hệ hình tổ phả mang bản sắc riêng biệt, khẳng định vị thế độc lập của Phật giáo Việt Nam trong không gian Phật giáo phương Đông.

2.2.3. Kiến tạo mô hình vua là Tổ Sư và cư sĩ Thiền, vua là Phật tại thế

Một trong những đóng góp độc đáo của *Thánh đẳng lục* là việc kiến tạo mô hình vua là Tổ Sư và cư sĩ Thiền, tức vị quân vương không chỉ là người trị quốc mà còn là người thấu triệt đạo lý, tu chứng Phật pháp và đứng vào hàng kế thừa chính pháp Thiền tông. Xa hơn, văn bản cũng xây dựng thành công hình ảnh vua Trần Nhân Tông là Phật tại thế, một biểu tượng hiếm gặp trong lịch sử Phật giáo phương Đông, nơi mà sự thống nhất giữa quyền lực thế gian và đạo lý xuất thế được trình hiện qua chính hành trạng các quân vương⁴.

Trong các tư liệu Phật giáo của các nước đồng văn mà đặc biệt là Trung Quốc, Phật hoàng (vua Phật) không phải là một hình ảnh thường gặp. Mặc dù có những trường hợp quân vương hộ pháp, sùng tín đạo Phật, song phần lớn vẫn duy trì khoảng cách giữa thể chế chính trị và giới tu hành. Chỉ trong trường hợp vua Trần Nhân Tông của Đại Việt, hình tượng Phật hoàng mới thực sự đạt đến chiều sâu triết lý và thực chứng, thông qua việc từ bỏ ngai vàng, xuất gia tu đạo, khai sơn dòng Thiền Trúc Lâm và hành đạo suốt đời. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là *Thánh đẳng lục* đã mở rộng mô hình đó

thành một hệ thống mang tính tổ chức, khi trình bày năm đời vua đầu triều Trần, từ Trần Thái Tông đến Trần Minh Tông như những hành giả giác ngộ, người tu chứng và truyền bá đạo. Hình ảnh vua Trần Nhân Tông với vai trò là một vị tổ sư Phật giáo đi truyền đạo khắp thôn xóm Đại Việt là một hình ảnh sống động hiếm có trong lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng cũng như lịch sử Việt Nam nói chung. Thậm chí, lời dẫn của Trần Quang Chỉ trong *Trúc Lâm Đại Sĩ xuất sơn đồ* còn cho biết Trần Nhân Tông từng sang tận kinh đô Chiêm Thành khát thực truyền đạo: “Thuở ấy, có Đạo sĩ người Trung Quốc là Lâm Thời Vũ tháp tùng Đại Sĩ thăm thú các nơi. Có lúc vân du nơi xa, hóa độ bên nước láng giềng. Ngài đi đến tận phương nam, đến Chiêm Thành, khát thực ở kinh đô nước đó⁵”. (Thích Thanh Quyết, Trịnh Khắc Mạnh 2018: 732)

Văn bản *Thánh đẳng lục* không chỉ ghi chép tiểu sử, công hạnh, mà còn lưu lại pháp ngữ, hành trạng tu tập và các cột mốc tâm linh trong đời sống của năm vị vua đầu nhà Trần. Chẳng hạn, Trần Thái Tông lên núi Yên Tử sau biến cố chính trị năm 1236 rồi sau đó viết *Thiền tông chỉ nam* và *Khóa hư lục*; Trần Nhân Tông là người đầu tiên tổ chức đại giới đàn và giảng kinh thuyết pháp tại triều đình; Trần Anh Tông và Trần Minh Tông đều được ghi nhận là những vị vua có tâm hướng Phật, bảo trợ tăng đoàn và tự thân tu hành. Mỗi vị đều mang dáng dấp của một Thiền giả, và khi được trình hiện trong cùng một văn bản *Thánh đẳng lục*, họ không còn là những quân vương đơn lẻ mà trở thành những ngọn đèn tiếp nối, “truyền đăng” trong mạch Phật pháp Trúc Lâm.

Sự kiến tạo này phản ánh rõ nét một tư tưởng cốt lõi của Phật giáo Trúc Lâm: sự hợp nhất giữa đạo trị quốc và đạo giải thoát.

⁴ Bài viết đề cập đến Trần Nhân Tông và nhấn mạnh đến hiện tượng hoàng đế xuất gia tu hành, chứng đắc yếu chỉ Thiền tông, có truyền thừa pháp mạch và các tác phẩm lưu hành ở đời. Đây là hành trạng của một Thiền sư thực thụ và có thực, không phải chỉ đơn thuần là tự phong hay được ca ngợi qua văn chương của người khác.

⁵ Nguyên văn: Thời hữu Trung Quốc đạo sĩ Lâm Thời Vũ, diệc tương tòng Đại sĩ, vãng lai chư phương. Hữu thời viễn du, hóa độ lân quốc. Nam chí vu Chiêm Thành, khát thực thành trung 時有中國道士林時雨，亦相從大士，往來諸方。有時遠遊，化度鄰國。南至于占城，乞食城中。(Dẫn theo: Thích Thanh Quyết, Trịnh Khắc Mạnh (Đồng chủ biên), (2018). *Trúc Lâm Yên Tử Phật giáo từng thư*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, tr. 732).

Trong truyền thống tôn giáo – chính trị phương Đông, con đường của người trị quốc và người xuất thế thường được quy định như hai hướng đi tách biệt. Tuy nhiên, *Thánh đẳng lục* đã làm mờ đi ranh giới ấy, thay vào đó đã sử dụng một mô hình tích hợp, trong đó hoàng đế vừa là người gánh vác đại sự quốc gia, vừa là người thể nhập đạo lý, chứng ngộ vô ngã, hành đạo độ sinh. Nói cách khác, một người không cần “bỏ ngai vàng để thành Phật”, mà chính nơi ngai vàng, nếu tâm đã khai ngộ, thì vẫn có thể là đạo tràng chứng đắc. Hình ảnh vua Trần Thái Tông trị vì đất nước, với trăm công nghìn việc nhưng vẫn không quên nghiên cứu nội điển, và bỗng bất chợt giác ngộ Thiền tông khi đọc đến câu “ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” trong *Kim cương kinh* có điểm tương đồng với một điểm trong Thiền tông Trung Hoa, đó là chi tiết vị tổ thứ 6 của Thiền tông Trung Hoa là Huệ Năng cũng ngộ đạo từ tám chữ đó trong *Kim cương kinh*. Hay như vua Trần Nhân Tông sau khi nhường ngôi cho vua Trần Anh Tông, xuất gia chứng đạo nhưng vẫn tham gia hỗ trợ công việc của triều đình.

Từ đó, có thể thấy rằng *Thánh đẳng lục* không đơn thuần là một bản lục Thiền, mà còn là một văn bản mang tính chính trị – văn hóa – tôn giáo tổng hợp, trong đó tư tưởng Thiền không tách rời khỏi đời sống thế tục, và đạo lý Phật giáo không xa rời thiết chế nhà nước. Việc thiết lập hình ảnh “vua là Tổ Sư và cư sĩ”, “vua là Phật tại thế” không chỉ mang ý nghĩa biểu tượng, mà còn là một hình thức diễn ngôn nhằm xác lập tính chính danh của Phật giáo Trúc Lâm như một dòng Thiền bản địa, nơi hội tụ giữa tâm linh dân tộc, chính thể quốc gia và mạch nguồn Phật pháp.

2.2.4. Tổ phả như một diễn ngôn định hình căn tính tông phái

Dưới góc nhìn diễn ngôn học, *Thánh đẳng lục* không đơn thuần là một văn bản ghi chép hành trạng, lời dạy hay các cuộc vấn đáp của hành giả Thiền tông, mà còn là một loại văn bản chiến lược, nơi Phật giáo Trúc Lâm kiến tạo và khẳng định bản sắc tông phái của mình thông qua những lựa

chọn có tính định hình về ngôn ngữ, cấu trúc và biểu tượng. Khác với nhiều văn bản Phật giáo truyền thống vốn dựa trên lập luận giáo lý hoặc biện chứng tông môn, *Thánh đẳng lục* chủ yếu triển khai một mô hình “phả” kết hợp với “lục”, với điểm nhấn nằm ở tính biểu tượng cao của các nhân vật lịch sử cụ thể, đặc biệt là các vị vua Trần, nhằm khẳng định tính chính danh, liên tục và bản địa hóa của dòng Thiền Trúc Lâm.

Trong cấu trúc phả của *Thánh đẳng lục*, việc lựa chọn năm vị vua Trần (Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông, Minh Tông) để đại diện cho dòng truyền thừa Phật pháp không chỉ mang ý nghĩa tượng trưng, mà còn là một hành vi diễn ngôn hóa quyền lực, trong đó quyền uy chính trị được tích hợp vào hệ thống tâm linh như một yếu tố bảo chứng cho chính pháp. Sự kết hợp giữa quyền lực thế tục và quyền lực tôn giáo không phải là hiện tượng phổ biến trong lịch sử Phật giáo Đông Á, và càng hiếm khi được tổ chức hóa thành một hệ thống tổ phả khép kín như trong *Thánh đẳng lục*. Từ đó, văn bản này đã kiến tạo nên một căn tính tông phái mới, nơi vị Tổ sư Thiền không nhất thiết là người xuất gia, mà có thể là vị quân vương tại vị, miễn là người ấy chứng ngộ và hành đạo.

Một biểu tượng có tính xuyên suốt trong văn bản chính là hình ảnh “đăng” (đền), được lặp lại trong nhan đề và nội dung sách. Đây không chỉ là cách gọi ẩn dụ quen thuộc của Thiền học (truyền đăng = truyền tâm pháp), mà còn là biểu trưng thị giác cho sự tiếp nối liên tục, không gián đoạn giữa các thế hệ truyền thừa. Trong trường hợp của *Thánh đẳng lục*, biểu tượng “đăng” còn có thể được hiểu rộng hơn: đó là ánh sáng trí tuệ khơi lên từ tâm linh dân tộc, là ngọn đèn chính pháp được nhóm lên trong lòng thế chế Đại Việt, là ánh sáng dẫn đường cho một mô hình Phật giáo nhập thế, gắn với vương quyền và gắn với vận mệnh quốc gia, dân tộc.

Bên cạnh đó, cấu trúc văn bản của *Thánh đẳng lục* vừa tuân thủ hình thức truyền thống của một văn bản “lục” Thiền tông (ghi chép hành trạng, thánh huấn, vấn đáp, thi kệ...),

vừa cách tân về phương pháp thông qua việc kết hợp các yếu tố như lời tựa bạt, đồ hình, biện minh cho sự truyền thừa văn bản và nhất là việc thay thế các Tăng sĩ truyền thống bằng các nhân vật hoàng tộc mà đặc biệt là các hoàng đế Nho giáo. Đây chính là một bước chuyển có tính kiến thiết tư tưởng: chuyển từ quyền lực tông môn sang quyền lực quốc gia, dân tộc; từ tu viện sang triều đình; từ không gian thiền môn sang chính trường lịch sử.

Như vậy, hình thức tổ phả không chỉ đơn giản là liệt kê thứ tự kế thừa pháp mạch, mà được vận dụng như một hình thức diễn ngôn đầy dụng ý, nhằm kiến tạo căn tính tông phái, tư tưởng bản địa và quyền lực tinh thần của Phật giáo Trúc Lâm. Việc trình hiện các vua Trần như những vị Tổ sư không phải là sự cường điệu hóa cá nhân, mà là kết quả của một dòng tuệ giác gắn bó mật thiết với truyền thống văn hóa – chính trị Việt Nam, nơi mà đạo và đời chưa từng bị chia cắt. Trong ý nghĩa đó, *Thánh đăng lục* không chỉ là một văn bản tôn giáo – lịch sử, mà còn là biểu tượng tư tưởng của một thời đại, nơi Phật giáo đứng ở trung tâm chính thể và tâm thức dân tộc, chứ không chỉ ở bên lề của thiết chế quyền lực.

2.3. *Thánh đăng lục* trong dòng chảy chấn hưng Phật giáo Trúc Lâm

Từ một văn bản tác phẩm mang tính Thiền lục và tổ phả xuất hiện từ thời Trần, *Thánh đăng lục* đã trải qua một quá trình truyền lưu kéo dài suốt gần sáu thế kỷ, thể hiện qua nhiều lần khắc in, biên tập, hiệu chỉnh và tổ chức lại cấu trúc văn bản. Quá trình ấy không chỉ phản ánh sự phát triển của lịch sử Phật giáo Trúc Lâm, mà còn minh chứng cho nỗ lực kiên định của nhiều thế hệ tăng sĩ và cư sĩ trong công cuộc bảo vệ, phục hưng và kiến lập lại một nền Phật giáo mang bản sắc dân tộc. Từ những lần khắc in lại, có thể thấy ba giai đoạn chính dưới đây thể hiện rõ các bước ngoặt trong dòng chảy lịch sử ấy.

2.3.1. *Giai đoạn Chân Nguyên*

Đến giai đoạn thế kỷ XVII, Phật giáo Việt Nam tiếp tục đứng trước nhiều thách thức mang tính hệ thống. Dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của hệ tư tưởng Nho giáo thời Lê Trung hưng, đặc biệt là những quy phạm đạo đức và quan điểm chính trị của Nho gia về trị quốc, vị thế của Phật giáo dần bị đẩy lùi khỏi trung tâm thiết chế nhà nước. Trong bối cảnh ấy, phong trào chấn hưng Phật giáo bắt đầu xuất hiện tại Đàng Ngoài với vai trò nổi bật của Thiền sư Chân Nguyên (1647 – 1726), một trong những nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn trong việc khôi phục dòng Thiền Trúc Lâm.

Một trong những đóng góp quan trọng của Chân Nguyên là việc tổ chức khắc in lại *Thánh đăng lục* vào năm 1705, tại chùa Long Động, núi Yên Tử, đây là trung tâm tôn giáo quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm. Dù bản khắc này đã thất truyền, nhưng nhiều lời tựa và ghi chép trong các bản in sau đó (đặc biệt là bản năm 1750) đã xác nhận sự kiện này. Theo lời tựa của Thiền sư Tính Quảng (1750), Chân Nguyên “khi trụ trì ở Long Động đã cho khắc in lại bản lục vào năm Ất Dậu niên hiệu Vĩnh Thịnh”, tương ứng với năm 1705.

Một trong những sự kiện thể hiện việc Chân Nguyên đề cao *Thánh đăng lục* trong quá trình phục hưng Phật giáo Trúc Lâm, là việc ông biên soạn *Thiền tông bản hạnh* (禪宗本行) bằng chữ Nôm. Trong tác phẩm này, Chân Nguyên diễn giảng một phần nội dung của *Thánh đăng lục* và một lần nữa khẳng định sự truyền thừa của năm vua nhà Trần là kế thừa từ Phật – Tổ, nên có thể coi là phương tiện để ấn tâm: “Bụt truyền từ cổ đến cam (kim). Ai tin thì được ấn tâm thật thà. Xem *Thánh đăng lục* giảng ra. Kéo đèn Phật, Tổ sáng hòa tam thiên” (Thích Thanh Từ 2014: 235).

Việc Chân Nguyên chọn *Thánh đăng lục* cùng với một số tác phẩm khác liên quan đến Phật giáo Trúc Lâm⁶ làm đối tượng để khắc

⁶ Ngoài *Thánh đăng lục*, Chân Nguyên còn biên soạn và cho khắc in những tác phẩm như *Thiền tông bản hạnh*, *Kiến tính thành Phật*, v.v.

in lại không phải là hành động ngẫu nhiên. Trong bối cảnh Phật giáo đang bị xem nhẹ, việc tái lập văn bản này có thể được hiểu như một hành động khẳng định lại tính chính thống và giá trị tinh thần của Phật giáo Trúc Lâm, một dòng Thiền được chính danh sáng lập bởi vua Trần Nhân Tông, biểu tượng kết hợp giữa đạo và đời trong lịch sử dân tộc. Qua đó, Chân Nguyên không chỉ góp phần khôi phục một tác phẩm cổ mà còn khẳng định vai trò của Trúc Lâm trong bản sắc Phật giáo Việt Nam, như một dòng chảy độc lập nhưng không tách rời truyền thống Thiền tông phương Đông.

2.3.2. Giai đoạn Tính Quảng – Tính Lãng

Sau sự kiện thất lạc ván khắc bản 1705, Thiền sư Tính Quảng và Tính Lãng đã cùng nhau phục dựng lại *Thánh đăng lục* vào năm 1750, tức năm Canh Ngọ niên hiệu Cảnh Hưng. Hiện không có thông tin về bộ ván khắc này, nhưng bản sách in từ bộ ván khắc này hiện nay còn tồn tại, được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm với ký hiệu A.2569, đây là một trong những văn bản cổ quý giá nhất cho việc nghiên cứu hệ thống tổ phả Trúc Lâm cũng như lịch sử văn bản Phật giáo Việt Nam.

Bản 1750 không chỉ khôi phục nội dung truyền thống mà còn tái cấu trúc văn bản, thể hiện nỗ lực hệ thống hóa tư tưởng và tổ chức dòng Thiền một cách chặt chẽ. Đặc biệt, điểm nổi bật của bản này là việc tích hợp *Viên dung tứ độ Tuyền Phật đồ* (圓融四土選佛圖), một tác phẩm vốn thuộc về Thiền học Trung Hoa thời Nam Tống do Mao Tử Nguyên biên soạn. Nội dung này được trình bày rõ ràng từ tờ 39b đến tờ 57a của bản in, bao gồm cả đồ hình Thiền học *Tổng tướng chi đồ* (總相之圖) và tiểu sử tông chủ Từ Chiếu. Sự lồng ghép này cho thấy một hướng tiếp cận có tính chất tổng hợp và dung hội, trong đó Phật giáo Việt Nam vừa tiếp nhận ảnh hưởng Trung Hoa, vừa khẳng định được tính bản địa hóa trong dòng mạch Thiền tông. Tuy nhiên, việc xuất hiện những lời tựa độc lập của *Thánh đăng lục* và *Tuyền*

Phật đồ là dấu vết cho thấy sự tác động về mặt cấu trúc hiện thấy của văn bản này.

Việc lồng ghép *Tuyền Phật đồ* vào *Thánh đăng lục* cho thấy rõ chủ trương giao thoa tư tưởng giữa Trung Hoa và Việt Nam, đồng thời phản ánh một cách tiếp cận có tính tổng hợp, dung hội. Nó cũng cho thấy tinh thần “tùy duyên bất biến” trong tư duy Thiền, biết tiếp thu nhưng không đánh mất bản sắc. Đó cũng là cách Phật giáo Trúc Lâm giữ được tinh thần độc lập giữa thời đại có nhiều giao thoa và phân hóa tư tưởng trong khu vực, từ đó tự cường Phật giáo trong nước và tự cường dân tộc. Điều này, được Tính Quảng nhấn mạnh trong lời tựa khắc in lại *Thánh đăng lục* như sau: “Nước Nam ta từ khi có bờ cõi đến nay, Phật pháp thịnh hành sánh ngang Trung Quốc”⁷.

2.3.3. Giai đoạn Diệu Trạm – Trần Kim Liên

Giai đoạn cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam rơi vào tình trạng biến động sâu sắc do ảnh hưởng của thực dân phương Tây, sự suy yếu của các thiết chế truyền thống và những thay đổi toàn diện trong hệ thống hành chính, giáo dục, văn hóa. Trong bối cảnh đó, Phật giáo vốn từng giữ vai trò trung tâm trong đời sống tinh thần dân tộc cũng bị tác động mạnh mẽ, đặc biệt là hoạt động truyền thừa kinh điển. Chính trong hoàn cảnh ấy, xuất hiện những cá nhân Phật tử có tâm nguyện hộ pháp, đóng vai trò tích cực trong việc bảo tồn, phục hưng và truyền lưu di sản Phật giáo. Những nhân vật tiêu biểu trong số đó phải kể đến Diệu Trạm và Trần Kim Liên, gắn với hoạt động hiệu đính và khắc in lại *Thánh đăng lục*.

Giai đoạn Diệu Trạm

Diệu Trạm, còn được gọi là Thanh Trạm, là một vị tăng thuộc phái Lâm Tế, xuất thân từ sơn môn Phù Lãng – vốn là một nhánh của chùa Vĩnh Nghiêm. Về sau, ông trụ trì chùa Pháp Vũ và đặc biệt nổi bật trong hoạt động san khắc kinh sách Phật giáo. Vai trò

⁷ Nguyên văn: “Nam thiên tự hữu phong vực dĩ lai, Phật pháp thịnh hành mẫu ư Trung Quốc” (南天自有封域以來，佛法盛行俾於中國) (*Thánh đăng lục*, bản 1750: Tựa 2b)

của Diệu Trạng không chỉ dừng lại ở việc tổ chức, hưng công khắc in kinh sách, mà còn thể hiện ở công việc hiệu chỉnh, rà soát, đối chiếu nhằm khắc phục sai sót giữa các dị bản. Điều này được minh chứng rõ qua phần lời dẫn khắc in *Thánh đẳng lục* do chính ông phụ trách, qua đó phản ánh ý thức trách nhiệm cao đối với việc bảo tồn và phát huy kinh sách do các Tổ Sư đời trước để lại.

Theo nhận xét của Nguyễn Hàm Chương, công lao lớn nhất của Diệu Trạng là ở chỗ vừa thực hiện việc khắc in, vừa tiến hành hiệu đính lại nội dung *Thánh đẳng lục*. Nhờ đó, “đạo Phật càng thêm sáng ngời, lời dạy của các vị thánh tổ (tức năm vua triều Trần) trong sách được đính chính trở lại”. Phần lời bạt do Nguyễn Hàm Chương biên soạn, được khắc in cuối sách, nhấn mạnh tầm vóc công việc này như sau: “Khiến trăm ngàn năm sau, người học đều được đi con đường đúng đắn, không bị mê hoặc hay lầm lạc; không khác gì được đích thân thụ giáo cạnh ngọn Ngọa Vân, trước am Tử Tiêu; chưa từng có ai sửa sang về đường chính mà lại không bắt đầu từ sách này. Tự chủ (Diệu Trạng) thực có công đối với đạo Phật, có công đối với ba vị Tổ, có công đối với đời nay, chẳng phải rất lớn hay sao!”⁸

Từ ghi nhận ấy, có thể thấy việc Diệu Trạng khắc in và hiệu đính lại *Thánh đẳng lục* mang ý nghĩa quan trọng trong việc khôi phục và làm sống lại tinh thần của ba vị Tổ, cũng chính là nói đến Phật giáo Trúc Lâm. Bản in do ông thực hiện trở thành phương tiện giúp người học Phật đời sau tiếp cận một cách chính xác hơn với tư tưởng của chư Tổ, đồng thời tạo cảm giác như được trực tiếp thụ giáo nơi am Ngọa Vân hay Tử Tiêu. Có thể khẳng định, công trình san khắc và hiệu chỉnh này không chỉ đóng góp cho sự bảo tồn văn bản học Phật giáo, mà còn góp phần duy trì sự nối tiếp của giáo pháp Trúc Lâm trong dòng chảy lịch sử văn hóa – tôn giáo Việt Nam.

Giai đoạn Trần Kim Liên

Theo ghi chép từ bản khắc in năm 1926, Trần Kim Liên đã thỉnh được một bản *Thánh đẳng lục* cổ tại chùa Yên Vệ, sau đó đứng ra tổ chức khắc in lại văn bản này tại chùa Bàn Long (phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình). Đây là lần khắc in cuối cùng của *Thánh đẳng lục* mà hiện nay vẫn còn bảo lưu được đầy đủ cả bản in lẫn hệ thống ván khắc gỗ. Việc bảo tồn song song cả bản in và ván khắc cho thấy mức độ trân quý đặc biệt mà người khắc in dành cho văn bản này, đồng thời phản ánh một tinh thần hộ pháp mang tính hệ trọng về cả phương diện tín ngưỡng lẫn văn hóa.

Đặc biệt, phần lời tựa do chính Trần Kim Liên viết cho bản khắc năm 1926 không chỉ thuật lại cơ duyên tiếp cận văn bản, mà còn hàm chứa những suy tư thâm trầm về vai trò của hậu thế đối với di sản Phật giáo. Trong lời tựa, ông gọi *Thánh đẳng lục* là “gia nghiệp của Phật hoàng”, đồng thời nhấn mạnh rằng việc khắc in và truyền bá kinh sách không chỉ là hành vi kỹ thuật hay sao chép thông thường, mà là một trách nhiệm tâm linh, một công đức hộ pháp cần được thực hiện với lòng thành kính và viển kiến lịch sử. Do đó, việc làm của Trần Kim Liên có thể được hiểu như một biểu hiện cụ thể của lý tưởng phục hưng đạo pháp trong thời kỳ khủng hoảng văn hóa, khi giới trí thức Phật tử tại gia bắt đầu gánh vác vai trò gìn giữ và truyền lưu kinh điển trong điều kiện tăng đoàn suy yếu hoặc phân tán.

Từ góc độ văn bản học, bản khắc năm 1926 có giá trị đặc biệt không chỉ vì tính toàn vẹn và độ tin cậy về nội dung, mà còn ở chỗ nó kế thừa trực tiếp các bản khắc trước đó, đặc biệt là bản 1750. Bên cạnh đó là việc bổ sung thêm những yếu tố mới về mặt chú giải, sắp xếp, và thuyết minh cấu trúc tổ phả. Việc xuất hiện một Phật tử đóng vai trò chủ trì khắc in văn bản cũng đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử truyền thừa Phật giáo Việt Nam.

⁸ Nguyên văn: “Tỷ thiên bách niên chi hạ, học chi giả cử do ư chính lộ, bất hoặc ư tha kỳ; vô dị thân thụ giáo ư Ngọa Vân phong chi trác, Tử Tiêu am chi tiền; vị hữu bất do thị thư chi cải chỉnh. Tự chủ kỳ hữu công ư đạo giáo, hữu công ư Tam Tổ, hữu công ư tư thế, bất ký đa hồ!” (俾千百年之下，學之者舉由於正路，不惑於他歧；無異親受教於臥雲峰之側，紫霄庵之前；未有不由是書之改正。寺主其有功於道教，有功於三祖，有功後跋於斯世，不既多乎！) (*Thánh đẳng lục*, bản 1898: Tựa 2a-b)

Tóm lại, Trần Kim Liên không chỉ đánh dấu lần khắc in cuối cùng của *Thánh đẳng lục*, mà còn là minh chứng cho sự chuyên hóa năng động của thể tài truyền đẳng lục trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Văn bản không còn chỉ là sản phẩm tu tập trong nội bộ thiền môn, mà trở thành đối tượng gìn giữ, phát huy và khôi phục bởi cộng đồng cư sĩ, cho thấy sức sống lâu dài của *Thánh đẳng lục* như một tổ phả, một biểu tượng tư tưởng, và một di sản văn hóa – tôn giáo xuyên thế kỷ.

Ba giai đoạn vừa trình bày ở trên: Chân Nguyên; Tính Quảng và Tính Lăng; Diêu Trạm và Trần Kim Liên là ba mắt xích tiêu biểu trong chuỗi lưu truyền và khắc in *Thánh đẳng lục*. Mỗi giai đoạn không chỉ đánh dấu sự phục hồi vật chất của văn bản, mà còn là biểu trưng cho những chuyển biến tư tưởng, chiến lược tôn giáo và văn hóa của Phật giáo Trúc Lâm trong từng thời kỳ lịch sử. Nhìn từ góc độ văn bản học, *Thánh đẳng lục* là một chứng tích sống động về khả năng phục sinh và thích nghi của di sản Phật giáo trước những thay đổi lịch sử sâu rộng. Nhìn từ góc độ tư tưởng học, nó là một minh chứng cho sự bền bỉ của tư tưởng Trúc Lâm: hành đạo giữa đời, hòa nhập mà không hòa tan, bảo tồn chính pháp trong lòng dân tộc.

3. KẾT LUẬN

Từ những nội dung đã trình bày, có thể thấy *Thánh đẳng lục* đồng thời kết hợp ba chức năng cốt lõi: thứ nhất, như một tổ phả định hình hệ thống truyền thừa của Phật giáo Trúc Lâm mà đại diện là năm vua Trần; thứ hai, như một bản lục ghi chép lại hành trạng, quá trình tham thiền học Phật, vấn đáp thiền cơ của những hành giả đã giác ngộ; thứ ba, như một biểu tượng tư tưởng – lịch sử, phản ánh tinh thần dân tộc hóa Phật giáo và sự nhập thế đặc thù của Phật giáo Trúc Lâm.

Thứ nhất, với tư cách là tổ phả, *Thánh đẳng lục* kiến tạo một dòng mạch kế thừa mang tính chính thống cho Phật giáo Việt Nam. Văn bản không chỉ dừng lại ở việc liệt kê hành trạng năm vị vua Trần mà còn đặt

họ vào một sơ đồ kế thừa xuyên biên giới và xuyên thời đại: từ Phật Thích Ca Mâu Ni truyền xuống 28 vị Tổ Tây Thiên (Ấn Độ), tiếp đến là 6 vị Tổ Đông Độ (Trung Hoa), và cuối cùng là 5 vị Tổ mà cũng là 5 vị vua Trần, khởi đầu là Trần Thái Tông – người đầu tiên trong lịch sử Đại Việt dung hội vai trò quân vương và hành giả Thiền tông. Việc đưa các vị vua vào trong hệ thống truyền thừa này thể hiện rõ ý thức kiến tạo một hệ Tổ nội tại của Phật giáo Đại Việt, đồng thời khẳng định Trúc Lâm như một dòng Thiền độc lập, không chỉ “có thật” về mặt hành trạng mà còn “chính thống” về mặt giáo pháp và truyền thừa.

Thứ hai, với tư cách là một văn bản “lục”, *Thánh đẳng lục* tiếp nối truyền thống biên soạn Thiền điển trong Phật giáo phương Đông, đặc biệt là các thể loại ghi lại hành trạng, quá trình tham học, đối cơ, pháp ngữ, v.v. của Thiền sư. Điểm đặc biệt ở đây là các ghi chép đến từ chính các vị quân vương cũng đồng thời là những Tổ sư Thiền của Đại Việt. Điều này không chỉ có giá trị biểu tượng, mà còn chứa đựng chiến lược ngôn ngữ trong việc xây dựng một Thiền phái mang sắc thái Việt Nam: pháp ngữ có thể được phát ra từ ngai vàng, và sự chứng ngộ không chỉ đến từ hang núi mà còn đến ngay tại triều đình. Các lời dạy của vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, v.v. trong *Thánh đẳng lục* mang đầy đủ sắc thái Thiền tông như “vô trụ”, “vô tâm”, “tùy duyên”, nhưng cũng đồng thời phản ánh một tầm nhìn quản trị, một triết lý trị quốc đậm tính nhân văn và thực tiễn.

Thứ ba, *Thánh đẳng lục* còn mang tính chất như một biểu tượng tư tưởng – lịch sử của Phật giáo Trúc Lâm nói riêng và của Phật giáo Việt Nam nói chung. Tác phẩm thể hiện một tầm nhìn xuyên suốt về mối quan hệ giữa đạo và đời, giữa Phật giáo và dân tộc, giữa xuất thế và nhập thế. Việc các vị vua Trần, sau khi hoàn thành sứ mệnh chính trị, tự nguyện rũ bỏ quyền lực để tu hành, nhưng không rút khỏi xã hội mà tiếp tục giáo hóa, truyền giới, giảng đạo, chính là biểu hiện sâu

sắc của lý tưởng “cư trần lạc đạo”. Sự hòa quyện giữa hành đạo và trị thế trở thành một đặc điểm nổi bật của tư tưởng Trúc Lâm, và điều này được thể hiện một cách cô đọng và đầy đủ trong *Thánh đăng lục*.

Từ một góc nhìn rộng hơn, có thể thấy *Thánh đăng lục* không chỉ là sản phẩm của quá khứ, mà còn là kết tinh của một dòng chảy tư tưởng dài lâu trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Sự lưu truyền, phục hưng và dung hội của tác phẩm này qua các thế kỷ, từ triều Trần đến triều Mạc (1550), trải đến thời Lê Trung hưng (1705, 1750), và triều Nguyễn sơ (1848, 1898), cho đến bản ấn khắc dưới thời Bảo Đại (1926), không chỉ phản ánh hoạt động in ấn kinh sách, mà còn cho thấy sức sống mãnh liệt của tinh thần Phật giáo Trúc Lâm trong lòng dân tộc. Mỗi lần *Thánh đăng lục* được biên tập và khắc in cũng là một lần tinh thần Phật giáo dân tộc được làm mới, được gìn giữ trước các nguy cơ mai một.

Do đó, nghiên cứu *Thánh đăng lục* không đơn thuần là một công việc khảo cổ văn bản học, nhằm phục nguyên diện mạo của một tác phẩm cổ. Trái lại, đó là một hành trình truy tầm lại mạch sống tư tưởng của một nền Phật giáo từng đứng ở trung tâm của quốc gia, dân tộc và văn hóa. Mạch sống đó không khép lại với triều Trần, mà vẫn tiếp tục lan tỏa qua các phong trào chấn hưng Phật giáo ở thế kỷ XVII – XIX, và đến nay vẫn là nguồn tư liệu quý giá để hiểu về đặc trưng bản địa hóa, nhập thế hóa và nhân bản hóa của Phật giáo Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Bài viết này là kết quả nghiên cứu thuộc đề tài “Khảo cứu và dịch thuật văn bản tác phẩm *Thánh đăng lục*” thuộc Dự án khoa học và công nghệ “Dịch thuật và phát huy giá trị tinh hoa các tác phẩm kinh điển phương Đông”, số hợp đồng: 52-HĐ/KĐPD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thích Đồng Dưỡng (2010). Phát hiện sách *Thánh đăng ngữ lục* in tại Ninh Bình. *Văn hóa Phật giáo*, số 115, 13-16.

Thích Quảng Độ (Dịch, 2000). *Phật Quang đại từ điển*, Quyển 2. Đài Bắc: Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản.

Nguyễn Phạm Hùng (2015). *Văn học Phật giáo Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Lang (2022). *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, II, III. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức.

Hân Mẫn – Thông Thiền (2019). *Từ điển Thiền tông tân biên (A – O)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức.

Thích Thanh Quyết, Trịnh Khắc Mạnh (Chủ biên, 2018). *Trúc Lâm Yên Tử Phật giáo từng thư*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Lê Mạnh Thát (2010). *Trần Nhân Tông toàn tập*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Lê Mạnh Thát (2018). *Toàn tập Chân Nguyên Tuệ Đăng*, Tập 2. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức.

Thích Thanh Từ (2014). *Thanh Từ toàn tập, Tập 29 – Thiền tông Việt Nam 6*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo.

Việt quốc Yên Tử sơn Trúc Lâm chư Tổ Thánh đăng ngữ lục 《越國安子山竹林諸祖聖燈語錄》, Hòa thượng Tính Lăng khắc in năm 1750, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu: A.2569.

Thánh đăng kinh 《聖燈經》, Nhà in Liễu Chàng khắc in năm 1848, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu: AC.604.

Thánh đăng kinh 《聖燈經》, Bản Diệu Trạm khắc in tại chùa Pháp Vũ năm 1898, lưu tại chùa Cổ Loan, Ninh Bình.

Thánh đăng ngữ lục 《聖燈語錄》, Bản Trần Kim Liên khắc in và đề Tựa năm 1926, lưu tại chùa Long Động, Ninh Bình.